

Số: /QĐ-ĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ học
điều chỉnh, cập nhật**

**GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Nghị định 07/2001/NĐ-CP ngày 1 tháng 2 năm 2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia được ban hành theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 2 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy định tạm thời về việc xây dựng và phát triển một số ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế ban hành theo Quyết định số 1022/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 3 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 4316/QĐ-KHTC ngày 25 tháng 7 năm 2008 phê duyệt Đề án đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ học đạt trình độ quốc tế của Giám đốc ĐHQGHN;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo cử nhân ngành *Ngôn ngữ học (trong nhiệm vụ chiến lược xây dựng các ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế)* điều chỉnh, cập nhật (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng và Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, Ban ĐT, M10.

GS.TS. Nguyễn Hữu Đức

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐT ngày tháng năm 2010
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo Ngôn ngữ học đạt chuẩn quốc tế cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương về khoa học xã hội nhân văn và các kiến thức cơ bản, có hệ thống, bước đầu chuyên sâu về ngôn ngữ học, Việt ngữ học, ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hoá, các kiến thức nghiệp vụ liên quan đến các hoạt động báo chí, truyền thông, xuất bản, giáo dục của Việt Nam và quốc tế.

1.2. Về kỹ năng

Chương trình đào tạo cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ liên quan đến nghiên cứu, giảng dạy về ngôn ngữ học, Việt ngữ học và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam; kỹ năng dạy tiếng Việt như bản ngữ và như một ngoại ngữ; kỹ năng biên soạn các loại sách công cụ tiếng Việt và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong các hoạt động biên tập, báo chí, xuất bản, kỹ năng sử dụng tiếng Việt; được đào tạo tăng cường tiếng Anh đạt chuẩn C1 của ĐHQGHN.

1.3. Về năng lực

Chương trình đảm bảo cho sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc ở nhiều lĩnh vực khác nhau cả trong và ngoài nước: nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ học, Việt ngữ học, ngôn ngữ các dân tộc thiểu số; làm biên tập viên báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình; giảng dạy môn tiếng Việt và môn ngữ văn trong nhà trường; đảm trách các công việc liên quan đến ngôn ngữ, văn hóa và truyền thông ở các cơ quan hành chính, văn hoá, giáo dục và trong các doanh nghiệp. Chương trình cũng đảm bảo cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học các bậc học cao hơn ở ngành ngôn ngữ học hoặc các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác ở trong nước hoặc nước ngoài.

1.4. Về thái độ

Ngoài việc cung cấp kiến thức và trang bị các kỹ năng chuyên môn, chương trình còn giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức công dân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghiêm túc trong lao động... để sinh viên không chỉ trở thành các nhà chuyên môn giỏi mà còn là những công dân tốt.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 150, trong đó:

- Khối kiến thức chung: 37 tín chỉ
(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)
- Khối kiến thức Toán và Khoa học tự nhiên: 4 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành: 23 tín chỉ
 - + Bắt buộc 16 tín chỉ
 - + Tự chọn 07 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở của ngành: 41 tín chỉ
 - + Bắt buộc 35 tín chỉ
 - + Tự chọn 06 tín chỉ
- Khối kiến thức chuyên ngành: 32 tín chỉ
 - + Bắt buộc 16 tín chỉ
 - + Tự chọn 16 tín chỉ
- Khối kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 13 tín chỉ

2.2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (Không tính các môn từ 11 đến 16)	37				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	17	28		
6	FLF1105	Tiếng Anh A1	4	16	40	4	
7	FLF1106	Tiếng Anh A2	5	20	50	5	FLF1105
8	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	50	5	FLF1106

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
9	FLF1108	Tiếng Anh B2	5	20	50	5	FLF1107
10	FLF1109	Tiếng Anh C1	5	20	50	5	FLF1108
11	PES1001	Giáo dục thể chất 1	2	2	26	2	
12	PES1002	Giáo dục thể chất 2	2	2	26	2	PES1001
13	CME1001	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	2	14	12	4	
14	CME1002	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	18	12		CME1001
15	CME1003	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	3	21	18	6	
16	CSS1001	Kỹ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức toán và khoa học tự nhiên	4				
17	MNS1051	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30			
18	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	30			
III		Khối kiến thức cơ bản	23				
III.1		Các môn học bắt buộc	16				
19	PHI1051	Logic học đại cương	2	30			PHI1004
20	HIS1052	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30			
21	LIN1050	Thực hành văn bản khoa học tiếng Việt	2	10	10	10	
22	SIN1004	Hán Nôm cơ sở	3	45			
23	SIN1005	Hán Nôm nâng cao	2	30			SIN1004
24	LIT1052	Tiến trình văn học Việt Nam	3	60			
25	LIT1053	Văn học thế giới	2	30			
III.2		Các môn học tự chọn	7/14				
26	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	45			
27	HIS1054	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	45			
28	HIS1051	Dân tộc học đại cương	2	30			
29	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	30			
30	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	2	30			

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
31	PSY1050	Tâm lý học đại cương	2	30			
IV		Khối kiến thức cơ sở	41				
IV.1		Các môn học bắt buộc	35				
32	LIN2001	Dẫn luận ngôn ngữ học	3	45			
33	LIN2002	Ngữ âm học tiếng Việt	2	30			LIN2001
34	LIN2003	Từ vựng học tiếng Việt	2	30			LIN2001
35	LIN2004	Từ pháp học tiếng Việt	2	30			LIN2001
36	LIN2005	Cú pháp học tiếng Việt	2	30			LIN2001
37	LIN2006	Phương ngữ học tiếng Việt	2	30			LIN2001
38	LIN2007	Phong cách học tiếng Việt	2	30			LIN2001
39	LIN2008	Ngữ nghĩa học tiếng Việt	2	30			LIN2003
40	LIN2009	Ngữ dụng học tiếng Việt	2	30			LIN2001
41	LIN2010	Dẫn luận ngôn ngữ học ứng dụng	2	30			LIN2001
42	LIN2011	Ngôn ngữ học xã hội	2	30			LIN2001
43	LIN2012	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	30			LIN2001
44	LIN2013	Loại hình học ngôn ngữ	2	30			LIN2001
45	LIN2014	Lý thuyết phân tích điển ngôn	2	30			LIN2009
46	LIN2015	Lịch sử tiếng Việt	2	30			LIN2001
47	LIN2016	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2	30			LIN2001
48	LIN2017	Chính sách ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	2	30			LIN2016
IV.2		Các môn học tự chọn	6/10				
49	LIN2018	Cách đọc Hán – Việt và từ Hán – Việt	2	30			LIN2001
50	LIN2019	Bức tranh ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á	2	30			LIN2016
51	LIN2020	Ngôn ngữ học nhân học	2	30			LIN2001
52	LIN 2021	Ngôn ngữ học tri nhận	2	30			LIN2001

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
53	LIN 2022	Dẫn luận Ngữ pháp chức năng	2	30			LIN2005
V		Khối kiến thức chuyên ngành	32				
V.1		Chuyên ngành A (Ngôn ngữ học)					
<i>V.1.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>	<i>16</i>				
54	LIN3001	Ngôn ngữ học đại cương	4	60			LIN2001
55	LIN3002	Cơ sở âm vị học	2	30			LIN2002
56	LIN3003	Cơ sở từ vựng học	2	30			LIN2003
57	LIN3004	Cơ sở ngữ pháp học	2	30			LIN2005
58	LIN3005	Cơ sở ngữ nghĩa học	2	30			LIN2008
59	LIN3006	Cơ sở ngữ dụng học	2	30			LIN2009
60	LIN3007	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học	2	30			LIN2001
<i>V.1.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i> <i>Chọn trong số môn học của các chuyên ngành B, C, D</i>	<i>16</i>				
V.2		Chuyên ngành B (Ngôn ngữ học ứng dụng)	32				
<i>V.2.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>	<i>16</i>				
61	LIN3008	Ngôn ngữ, truyền thông và tiếp thị xã hội	2	30			LIN2010
62	LIN3009	Quản trị ngôn ngữ và chính sách ngôn ngữ	2	30			LIN2010
63	LIN3010	Ngôn ngữ và thực hành báo chí	2	30			LIN2010
64	LIN3011	Ngôn ngữ và công việc biên tập, xuất bản	2	30			LIN2010
65	LIN3012	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ	2	30			LIN2010
66	LIN3013	Ngôn ngữ học máy tính	2	30			LIN2010
67	LIN3014	Lý thuyết và thực tiễn dịch thuật	2	30			LIN2012
68	LIN3015	Thực hành ngôn ngữ học ứng dụng	2	15	15		LIN2010
<i>V.2.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i>	<i>16</i>				

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Chọn trong số môn học của các chuyên ngành A, C, D</i>					
V.3		Chuyên ngành C (Việt ngữ học)	32				
<i>V.3.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>	<i>16</i>				
69	LIN3016	Việt ngữ học với việc dạy tiếng Việt trong nhà trường	2	30			LIN2001
70	LIN3017	Việt ngữ học với việc nghiên cứu và giảng dạy văn học	2	30			LIN2001
71	LIN3018	Việt ngữ học với việc nghiên cứu lịch sử văn hóa dân tộc	2	30			LIN2001
72	LIN3019	Từ điển học và việc biên soạn từ điển tiếng Việt	2	30			LIN2003
73	LIN3020	Lịch sử ngữ âm tiếng Việt	2	30			LIN2015
74	LIN3021	Lịch sử từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	2	30			LIN2015
75	LIN3022	Ngôn ngữ văn học và sự phát triển của tiếng Việt trong thế kỉ 20	2	30			LIN2015
76	LIN 3023	Thực hành ứng dụng Việt ngữ học	2	15	15		LIN2010
<i>V.3.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i> <i>Chọn trong số môn học của các chuyên ngành A,B, D và môn LIN3024 dưới đây.</i>	<i>16</i>				
77	LIN3024	Phân tích câu tiếng Việt theo cấu trúc Đề - Thuyết	2	30			LIN2005
V.4		Chuyên ngành D (Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam)	32				
<i>V.4.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>	<i>16</i>				
78	LIN3025	Tiếng dân tộc thiểu số cơ sở	3	30	15		
79	LIN3026	Tiếng dân tộc thiểu số nâng cao	3	30	15		
80	LIN3027	Phương pháp điền dã ngôn ngữ học	2	15	15		LIN2001
81	LIN3028	Giáo dục ngôn ngữ trong môi trường đa ngữ	2	30			LIN2017
82	LIN3029	Vấn đề dạy tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ cho các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2	30			LIN2017

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
83	LIN3030	Những vấn đề về chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2	30			LIN2017
84	LIN3031	Vấn đề phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2	30			LIN2017
V.4.2		<i>Các môn học tự chọn</i> <i>Chọn trong số môn học của các chuyên ngành A, B, C và các môn LIN3032, LIN3033, LIN3034 dưới đây.</i>	16				
85	LIN3032	Một số vấn đề ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và Việt Bắc	2	30			LIN2017
86	LIN3033	Một số vấn đề ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và Trung Bộ	2	30			LIN2017
87	LIN3034	Một số vấn đề ngôn ngữ và văn hoá các dân tộc thiểu số ở Nam Bộ	2	30			LIN2017
V.5		Chuyên ngành E (Việt ngữ học cho người nước ngoài)	32				
V.5.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	16				
88	LIN3035	Tiếng Việt nâng cao 1	3	15	20	10	
89	LIN3036	Tiếng Việt nâng cao 2	3	15	20	10	LIN3035
90	LIN3037	Đọc - viết tiếng Việt nâng cao	2	10	15	5	
91	LIN3038	Ngữ pháp tiếng Việt thực hành	2	10	15	5	
92	LIN3039	Tiếng Việt chuyên ngành	2	10	15	5	
93	LIN3040	Tiếng Việt trong tục ngữ ca dao	2	10	15	5	
94	LIN3041	Tiếng Việt và phong tục Việt Nam	2	10	15	5	
V.5.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	16				
95	LIN3042	Tiếng Việt ngành du lịch	2	10	15	5	
96	LIN3043	Tiếng Việt ngành kinh tế, thương mại	2	10	15	5	
97	LIN3044	Tiếng Việt và lễ hội ở Việt Nam	2	10	15	5	
98	LIN3045	Tiếng Việt trong công nghệ thông tin	2	10	15	5	
99	LIN3046	Tiếng Việt và dịch thuật	2	10	15	5	

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
100	LIN3047	Tiếng Việt với lịch sử và văn hóa Việt Nam	2	10	15	5	
101	LIN3048	Tiếng Việt qua báo chí	2	10	15	5	
102	LIN3049	Tiếng Việt và văn học Việt Nam	2	10	15	5	
103	LIN3050	Tiếng Việt trên các phương tiện nghe nhìn	2	10	15	5	
104	LIN3051	Tiếng Việt trong tôn giáo	2	10	15	5	
105	LIN3052	Tiếng Việt trong pháp luật	2	10	15	5	
106	LIN3053	Tiếng Việt qua thành ngữ	2	10	15	5	
VI		Khối kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp	13				
107	LIN4001	Niên luận	2		30		LIN2001
108	LIN4002	Thực tập 1	2		30		
109	LIN4003	Thực tập 2	2		30		LIN4002
110	LIN4004	Khóa luận tốt nghiệp	7				LIN4003
		Tổng cộng	150				

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ học trình độ quốc tế được thiết kế và phát triển theo Chương trình khung giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành tháng 9/2004) và Quy định tạm thời của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc xây dựng và phát triển một số ngành và chuyên ngành đạt trình độ quốc tế (kí ngày 5/3/2009), có tham khảo chương trình ngành Ngôn ngữ học của một số trường đại học Hoa Kỳ (Đại học Stanford, Đại học MIT).

Dưới đây là một số lưu ý về việc thực hiện chương trình đào tạo này .

3.1 Ngôn ngữ giảng dạy

Sử dụng kết hợp tiếng Việt và tiếng Anh, trong đó :

- Các môn chung (trừ môn Tiếng Anh) và các môn cơ bản : học bằng tiếng Việt
- Các môn cơ sở của ngành và chuyên ngành (với chuyên ngành chính): 50% học bằng tiếng Anh hoặc kết hợp tiếng Việt và tiếng Anh.

- *Khoá luận tốt nghiệp*: có thể viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

3.2 Lựa chọn chuyên ngành

- Chương trình có 5 chuyên ngành : Ngôn ngữ học (A), Ngôn ngữ học ứng dụng (B), Việt ngữ học (C), Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (D) và Việt ngữ học cho người nước ngoài (E).

- Hàng năm, ngoài chuyên ngành chính cần đào tạo là Ngôn ngữ học (A), có thể cho sinh viên Việt Nam lựa chọn thêm 1 hoặc 2 chuyên ngành trong số các chuyên ngành B, C, D. Riêng chuyên ngành E chỉ dành cho sinh viên là người nước ngoài.

3.3 Tổ chức đào tạo

- *Các môn thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ bản* (trừ các môn *Tiếng Anh, Thực hành văn bản khoa học tiếng Việt*): học chung với sinh viên hệ chuẩn của các khoa khác trong trường.

- *Các môn tiếng Anh* : học riêng, do Trường đại học Ngoại ngữ (Đại học Quốc gia) chịu trách nhiệm tổ chức giảng dạy và đánh giá.

- *Các môn thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và các môn chuyên ngành*: Học riêng, do Khoa Ngôn ngữ học tổ chức giảng dạy và đánh giá.

3.4 Niên luận thực, tập và tốt nghiệp

- *Niên luận*: Thực hiện trong khoảng từ học kì 4 đến học kì 6.

- *Thực tập*:

+ Thực tập chuyên môn 1: Hè năm thứ nhất

+ Thực tập ngoại ngữ ở nước ngoài: Hè năm thứ hai (do Trường đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia tổ chức).

+ Thực tập chuyên môn 2 : Hè năm thứ 3.

- *Khoá luận tốt nghiệp* :

+ Thực hiện sau khi đã hoàn thành môn Thực tập chuyên môn 2.

+ Có thể đăng kí làm khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

IV. MÔ TẢ MÔN HỌC

Ghi chú

(*) Môn học học cùng với hệ chuẩn

(**) Môn học dạy bằng tiếng Anh hoặc kết hợp tiếng Anh/tiếng Việt

1. PHI1004 Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 (*)

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: 0

2 tín chỉ

Nội dung ban hành tại Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông báo số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH ngày 25/3/2008 của Bộ GD&ĐT

2. PHI1005 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 2 (*) **3 tín chỉ**

Bắt buộc: chung . Tiên quyết: PHI1003

Nội dung ban hành tại Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông báo số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH ngày 25/3/2008 của Bộ GD&ĐT

3. POL1001 Tư tưởng Hồ Chí Minh (*) **2 tín chỉ**

Bắt buộc: chung . Tiên quyết: PHI1003

Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. và Thông báo số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH ngày 25/3/2008 của Bộ GD&ĐT.

4. HIS1002 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (*) **3 tín chỉ**

Bắt buộc: chung. Tiên quyết:

Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông báo số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH ngày 25/3/2008 của Bộ GD&ĐT

5. INT1004 Tin học (*) **3 tín chỉ**

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: 0

Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử. Đồng thời cũng giúp sinh viên nắm vững các thao tác truy cập internet, các kỹ năng sử dụng hệ điều hành để thao tác trên máy tính điện tử, khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phục vụ công tác văn phòng, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

6. PES1001 Giáo dục thể chất 1 (*) **2 tín chỉ**

7. PES1002 Giáo dục thể chất 2 (*) **2 tín chỉ**

Bắt buộc: chung . Tiên quyết: theo trình tự

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/09/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. CME1001 Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 (*) **2 tín chỉ**

9. CME1002 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 (*) **2 tín chỉ**

10. CME1003 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 (*) **2 tín chỉ**

Bắt buộc: chung . Tiên quyết: theo trình tự

Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. FLF1105 Tiếng Anh A1 **4 tín chỉ**

12. FLF1106 Tiếng Anh A2 **5 tín chỉ**

13. FLF1107 Tiếng Anh B1 **5 tín chỉ**

14. FLF1108 Tiếng Anh B2 **5 tín chỉ**

15. FLF1109 Tiếng Anh C1 **5 tín chỉ**

Bắt buộc: chung . Tiên quyết: theo trình tự

Nội dung theo chương trình chung do Trường đại học Ngoại ngữ (Đại học quốc gia) biên soạn.

16. MNS1501 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (*) **2 tín chỉ**

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học, đồng thời cũng giúp sinh viên nắm vững các thao tác nghiên cứu khoa học, biết xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học. Qua đó, sinh viên có thể nắm vững phương pháp trình bày một báo cáo khoa học, viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

17. MAT1078 Thống kê cho khoa học xã hội (*)

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về thống kê, cụ thể là về điều tra thống kê, về độ tin cậy của một cuộc điều tra thống kê, về cách so sánh độ tương hợp của các kết quả thống kê, về sự tương quan giữa những yếu tố cùng ảnh hưởng tới cùng một sự kiện, về cách kiểm tra những giả thuyết thống kê trong nghiên cứu khoa học.

18. PHI1051 Logic học đại cương (*)

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: 0

Cung cấp những tri thức cơ bản của logic học hình thức, mối liên hệ hữu cơ giữa logic học và triết học, các phương pháp nghiên cứu đặc thù của logic học hình thức; các qui luật logic cơ bản và vai trò, ý nghĩa quan trọng của logic học trong việc hình thành, rèn luyện thói quen tư duy logic chặt chẽ, trình bày vấn đề một cách khoa học. Môn học cũng trang bị những kiến thức về nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và quan hệ của các khái niệm phán đoán, suy luận, chứng minh logic thường dùng, từ đó vận dụng các qui luật logic trong tư duy, tránh sai lầm thường gặp trong suy nghĩ và trình bày vấn đề.

19. HIS 1052 C ỡ sử văn hoá Việt Nam (*)

2

tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: 0

Cung cấp những khái niệm chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và đặc trưng chung của chúng. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam.

20. LIN1052 Thực hành văn bản khoa học

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản và bước đầu nâng cao về thực hành ngôn ngữ văn bản (chủ yếu là văn bản khoa học) tiếng Việt. Ngoài việc nâng cao nhận thức về thực hành văn bản trên hai phương diện tiếp nhận và tạo lập, môn học còn giúp cho sinh viên nắm vững những kỹ năng quan trọng trong việc phân tích và tạo lập văn bản khoa học tiếng Việt và vận dụng vào hoạt động thực tiễn.

21. SIN1004 Hán Nôm cơ sở (*)

3 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những tri thức chung về quá trình thâm nhập của chữ Hán vào Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển của chữ Nôm, đặc điểm và giá trị của kho tàng Hán Nôm cổ ở Việt Nam. Môn học cũng trang bị những kiến thức cơ sở về Hán văn và chữ Nôm, bao gồm các nguyên tắc cấu tạo, các quy tắc ngữ pháp cơ bản... của chữ Hán và chữ Nôm.

22. SIN1005 Hán Nôm nâng cao (*)

2 tín chỉ

Bắt buộc: A,B,C, D. Môn tiên quyết: SIN1004

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao về Hán Nôm, tập trung vào các kỹ năng phân biệt các cách đọc âm của chữ Hán và chữ Nôm, kỹ năng phân tích các kiểu mô hình cấu trúc và giải thích ý nghĩa của chữ Hán và chữ Nôm và vận dụng vào việc đọc một số loại văn bản Hán Nôm nhất định. Yêu cầu đối với sinh viên hệ chất lượng cao là biết đọc và viết được khoảng 500 chữ Hán và chữ Nôm.

- 23. LIT1052 Tiến trình văn học Việt Nam (*)** **3 tín chỉ**
 Bắt buộc: chung. Tiên quyết: 0
 Cung cấp cho sinh viên bức tranh tổng quan về sự phát triển của văn học Việt Nam và một số tri thức cơ bản về Văn học Việt Nam qua các giai đoạn (tác phẩm, thể loại, tác giả). Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên các phương pháp và kỹ năng tiếp nhận, phân tích tác phẩm văn học để phục vụ cho việc học tập, tập sự nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy về văn học.
- 24. LIT 1053 Văn học thế giới (*)** **2 tín chỉ**
 Bắt buộc: chung . Tiên quyết: 0
 Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản, những thành tựu tiêu biểu của các nền văn học lớn của thế giới, có quan hệ mật thiết với văn học Việt Nam , đồng thời cũng trang bị cho sinh viên các phương pháp tiếp cận, tìm hiểu những xu hướng khác nhau của văn học thế giới hiện nay.
- 25. HIS1053 Lịch sử văn minh thế giới (*)** **3 tín chỉ**
 Tự chọn: chung. Tiên quyết: 0
 Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh thế giới và các thành tựu văn minh của loài người. Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu, tìm hiểu các giá trị văn minh và lịch sử văn minh.
- 26. HIS 1054 Tiến trình lịch sử Việt Nam (*)** **3 tín chỉ**
 Tự chọn: chung. Tiên quyết: 0
 Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Việt Nam từ cổ đại đ ến hiện đại. Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử.
- 27. HIS 1051 Dân tộc học đại cương (*)** **2 tín chỉ**
 Tự chọn: chung. Tiên quyết: 0
 Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về dân tộc học, các quan điểm lý thuyết, các nguyên lí và khái niệm cơ bản trong nghiên cứu dân tộc học; đồng thời cũng trang bị cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu, kĩ năng quan sát, phân tích, điền về dân tộc học để ứng dụng vào thực tế học tập, tập sự nghiên cứu hoặc các công tác liên quan.
- 28. SOC 1050 Xã hội học đại cương (*)** **2 tín chỉ**
 Tự chọn: chung. Tiên quyết: 0
 Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm quá trình hình thành, phát triển, đối tượng nghiên cứu của xã hội học, những khái niệm cơ bản và một số trường phái xã hội học, những thiết chế và tổ chức xã hội cơ bản. Môn học cũng trang bị cho sinh viên kĩ năng thực hành, sử dụng các phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu xã hội học.
- 29. JOU1051 Báo chí truyền thông đại cương (*)** **2 tín chỉ**
 Tự chọn: chung. Tiên quyết: 0
 Cung cấp các kiến thức cơ bản về báo chí và truyền thông như lịch sử báo chí và truyền thông, vai trò của báo chí và truyền thông trong xã hội, vấn đề tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí và truyền thông, chính sách về báo chí và truyền thông, vv. Môn học cũng trang bị cho sinh viên các phương pháp tiếp cận và kỹ năng phân tích để tìm hiểu nghiên cứu các vấn đề của báo chí truyền thông hiện đại.
- 30. PSY1050 Tâm lí học đại cương (*)** **2 tín chỉ**
 Tự chọn: chung. Tiên quyết:
 Cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương về tâm lý học, các khái niệm, phạm trù, nguyên lí cơ sở của tâm lý học, và các hiểu biết cơ bản về hoạt động tâm lí. Môn học cũng trang bị cho

sinh viên phương pháp nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tìm hiểu các hiện tượng tâm lí để vận dụng vào thực tiễn học tập, tập sự nghiên cứu hoặc các hoạt động thực tiễn khác.

31. LIN2001 Dẫn luận ngôn ngữ học ()**

3 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và bước đầu chuyên sâu về ngôn ngữ học và đối tượng nghiên cứu của nó là ngôn ngữ: nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc điểm hệ thống, cấu trúc; các kiến thức căn bản và bước đầu chuyên sâu về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng của ngôn ngữ. Môn học cũng trang bị các kỹ năng và thủ pháp phân tích ngôn ngữ học để sinh viên vận dụng vào thực tiễn học tập và tập sự nghiên cứu.

32. LIN2002 Ngữ âm học tiếng Việt

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản của ngữ âm tiếng Việt: hệ thống ngữ âm của tiếng Việt, cấu trúc âm tiết, các tiểu hệ thống âm vị, các giải pháp âm vị học cho những vấn đề hữu quan. Trang bị và rèn luyện cho sinh viên các thao tác phân tích, nghiên cứu, xử lí các vấn đề của thực tiễn ngữ âm tiếng Việt.

33. LIN2003 Từ vựng học tiếng Việt

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp những tri thức cơ bản và bước đầu chuyên sâu về từ và từ vựng tiếng Việt như: từ và cấu tạo từ, nghĩa của từ, các quan hệ ngữ nghĩa trong từ và trong từ vựng, phương pháp phân tích nghĩa của từ, các lớp từ, sự hình thành và phát triển của từ vựng tiếng Việt. Trang bị và huấn luyện cho sinh viên nắm vững các thủ pháp và thao tác phân tích, xử lí các vấn đề của từ vựng- ngữ nghĩa tiếng Việt.

34. LIN2004 Từ pháp học tiếng Việt

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp những tri thức cơ bản về từ pháp học tiếng Việt như: từ loại và hệ thống từ loại, hệ thống các tiểu loại từ, cấu trúc và chức năng của các loại đoản ngữ như danh ngữ, động ngữ. Trang bị và rèn luyện các thủ pháp và kỹ năng phân tích, xử lí các vấn đề cụ thể của lí luận và thực tiễn từ pháp tiếng Việt.

35. LIN2005 Cú pháp học tiếng Việt

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: LIN2004

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và bước đầu chuyên sâu về cú pháp học và cú pháp tiếng Việt như: câu của tiếng Việt, các kiểu loại câu phân loại theo đặc điểm cấu trúc, ngữ nghĩa hoặc chức năng, các quan điểm và phương pháp phân tích, miêu tả câu tiếng Việt. Môn học cũng trang bị và huấn luyện cho sinh viên các thao tác và thủ pháp phân tích cấu trúc câu tiếng Việt về mặt cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng dựa trên các lí thuyết cú pháp hiện đại.

36. LIN2006 Phương ngữ học tiếng Việt

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp những tri thức cơ bản về phương ngữ học tiếng Việt như: phân vùng phương ngữ, miêu tả những đặc điểm chính của các phương ngữ, quan hệ giữa phương ngữ và lịch sử ngôn ngữ dân tộc, phương ngữ và chuẩn ngôn ngữ, vấn đề chuẩn hóa tiếng Việt. Đồng thời cũng trang bị và huấn luyện các thao tác phân tích mô tả cụ thể, ứng dụng vào việc nghiên cứu phương ngữ (lập bảng hỏi, chọn nghiệm viên, lập bản đồ...).

37. LIN2007 Phong cách học tiếng Việt

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung. Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về phong cách học tiếng Việt như: khái niệm và cơ sở phân chia các phong cách chức năng, các phương tiện và thủ pháp phong cách học tiếng Việt, nét đặc trưng của các phong cách chức năng tiếng Việt. Môn học cũng trang bị và huấn luyện những kỹ năng và thao tác cơ bản trong thực hành nghiên cứu về phong cách học.

38. LIN2008 Ngữ nghĩa học tiếng Việt

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN2003

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ nghĩa học và ngữ nghĩa tiếng Việt. Môn học cũng trang bị và huấn luyện cho sinh viên các thủ pháp và kỹ năng phân tích ngữ nghĩa, ứng dụng vào thực tiễn tiếng Việt.

39. LIN2009 Ngữ dụng học tiếng Việt

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: 2005

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và bước đầu nâng cao về ngữ dụng học và ngữ dụng học tiếng Việt như. Môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên các thủ pháp và kỹ năng phân tích ngữ liệu tiếng Việt dưới ánh sáng của các lý thuyết ngữ dụng học hiện đại.

40. LIN2010 Dẫn luận ngôn ngữ học ứng dụng ()**

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về ngôn ngữ học ứng dụng như: mục đích, nhiệm vụ của ngôn ngữ học ứng dụng, các lĩnh vực của ngôn ngữ học ứng dụng, cơ sở lý luận và phương pháp ứng dụng ngôn ngữ học trong các lĩnh vực chuyên môn khác nhau. Môn học cũng trang bị và huấn luyện cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ ứng dụng trong các hoạt động thực tiễn như dạy tiếng, biên tập xuất bản, truyền thông, vv.

41. LIN2011 Ngôn ngữ học xã hội ()**

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp cho sinh viên những tri thức chung về ngôn ngữ học xã hội: đối tượng, mục đích nhiệm vụ của ngôn ngữ học xã hội; các khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học xã hội như: ngôn ngữ dân tộc, ngôn ngữ quốc gia, chính sách ngôn ngữ, cộng đồng ngôn ngữ, các phương ngữ xã hội và các biến xã hội ngôn ngữ, v.v. Môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong ngôn ngữ học xã hội.

42. LIN2012 Ngôn ngữ học đối chiếu ()**

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: 2001

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học đối chiếu: đối tượng, mục đích và nhiệm vụ của ngôn ngữ học đối chiếu; cơ sở lý thuyết, nội dung của các phương pháp và thủ pháp đối chiếu các ngôn ngữ; các cấp độ và bình diện phân tích đối chiếu ngôn ngữ, vv. Môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng và thao tác phân tích đối chiếu ngôn ngữ dựa trên ngữ liệu tiếng Việt và một ngôn ngữ thứ hai khác để ứng dụng vào việc học tập, nghiên cứu hoặc giảng dạy.

43. LIN2013 Loại hình học ngôn ngữ ()**

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp các kiến thức cơ bản và bước đầu chuyên sâu về loại hình học ngôn ngữ: đối tượng, nhiệm vụ và sự phát triển của loại hình học; các khuynh hướng nghiên cứu trong loại hình học; khái niệm, tiêu chí phân loại và đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ; loại hình ngôn ngữ đơn lập và đặc điểm loại hình của tiếng Việt; khái niệm phổ niệm ngôn ngữ và các loại phổ niệm ngôn ngữ. Môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích đặc điểm loại hình của các ngôn ngữ để vận dụng vào các hoạt động học tập, nghiên cứu hoặc giảng dạy.

44. LIN2014 Lý thuyết phân tích diễn ngôn ()**

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN2009

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và bước đầu nâng cao về lí thuyết văn bản/diễn ngôn: khái niệm và đặc điểm chung của văn bản/diễn ngôn, tính liên kết và mạch lạc của văn bản/diễn ngôn, các phương thức biểu hiện liên kết và mạch lạc trong văn bản/diễn ngôn, vv. Đồng thời, môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng và thao tác phân tích, tạo lập và tiếp nhận văn bản/diễn ngôn, ứng dụng vào thực tiễn tiếng Việt

45. LIN2015 Lịch sử tiếng Việt

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN 2001

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và bước đầu nâng cao về lịch sử tiếng Việt: các quan niệm khác nhau về nguồn gốc của tiếng Việt; các giai đoạn hình thành và phát triển của tiếng Việt; quan hệ cội nguồn và quan hệ tiếp xúc của tiếng Việt và những chứng cứ ngôn ngữ và văn hóa liên quan; những biến đổi về cấu trúc, chức năng của tiếng Việt trong quá trình phát triển, vv. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng và thao tác phân tích các cứ liệu ngôn ngữ văn hóa để học tập, nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề hữu quan.

46. LIN2016 Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và bước đầu nâng cao về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: cảnh huống ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; các quan hệ cội nguồn và quan hệ tiếp xúc cũng như xu hướng biến đổi, quá trình phát triển của một số nhóm ngôn ngữ; tình hình sử dụng ngôn ngữ và chữ viết ở các vùng song ngữ; vấn đề chính sách ngôn ngữ, vv.

47. LIN2017 Chính sách ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN2016

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chủ trương, chính sách ngôn ngữ và văn hóa của Đảng và nhà nước Việt Nam đối với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam về các vấn đề như: chính sách về chữ viết, giáo dục song ngữ, vấn đề bảo tồn và phát triển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, vv.

48. LIN2018 Cách đọc Hán Việt và từ Hán Việt

2 tín chỉ

Tự chọn: chung. Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết căn bản về nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt, từ Hán Việt và các đặc điểm, vai trò, chức năng của chúng trong tiếng Việt. Đồng thời cũng hướng dẫn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích, giải thích, sử dụng từ Hán Việt để vận dụng vào thực tiễn học tập, nghiên cứu của mình.

49. LIN2019 Bức tranh ngôn ngữ và văn hóa Đông Nam Á ()**

2 tín chỉ

Tự chọn: chung. Tiên quyết: LIN2016

Cung cấp một bức tranh tổng quát về bối cảnh ngôn ngữ và văn hóa các nước Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng, qua đó cho sinh viên thấy được những tương đồng và khác biệt về đặc điểm lịch sử, loại hình, quan hệ tiếp xúc giữa các ngôn ngữ và các nền văn hóa của các dân tộc trong khu vực.

50. LIN2020 Ngôn ngữ học nhân học ()**

2 tín chỉ

Tự chọn: chung. Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp những tri thức cơ bản về ngôn ngữ học nhân học: vai trò của ngôn ngữ trong quá trình hình thành và phát triển nhân loại; mối quan hệ giữa ngôn ngữ với lịch sử, xã hội, kinh tế, văn hóa và tộc người; tính đa dạng của ngôn ngữ và vấn đề bảo tồn các ngôn ngữ nguy cấp; quyền bình đẳng về ngôn ngữ và vấn đề chống kì thị về ngôn ngữ.

51. LIN2021 Ngôn ngữ học tri nhận ()**

2 tín chỉ

Tự chọn: chung. Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp những tri thức cơ bản về ngôn ngữ học nhân học: vai trò của ngôn ngữ trong quá trình hình thành và phát triển nhân loại; mối quan hệ giữa ngôn ngữ với lịch sử, xã hội, kinh tế, văn hóa và tộc người; tính đa dạng của ngôn ngữ và vấn đề bảo tồn các ngôn ngữ nguy cấp; quyền bình đẳng về ngôn ngữ và vấn đề chống kì thị về ngôn ngữ.

52. LIN 2022 Dẫn luận Ngữ pháp chức năng ()**

2 tín chỉ

Tự chọn: chung. Tiên quyết: LIN 2005

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và bước đầu chuyên sâu về ngữ pháp chức năng, tập trung vào hai mô hình chính là ngữ pháp chức năng của S.C. Dick và ngữ pháp chức năng hệ thống của M.A.K Halliday, có liên hệ đến các công trình nghiên cứu ngữ pháp theo hướng chức năng của các tác giả Việt Nam. Môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng và thao tác phân tích ngữ pháp tiếng Việt theo quan điểm chức năng.

53. LIN3001 Ngôn ngữ học đại cương ()**

4 tín chỉ

Bắt buộc: A Tự chọn: B, C, D Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống và bước đầu chuyên sâu về ngôn ngữ học lý thuyết: các khái niệm, các nguyên lý cơ bản về bản chất và chức năng của ngôn ngữ, về hệ thống cấu trúc bản thể của ngôn ngữ, các cấp độ phân tích cấu trúc ngôn ngữ; các khuynh hướng, trường phái lý thuyết ngôn ngữ học từ cổ điển đến hiện đại. Môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp và phân tích, phê phán và tiếp nhận các vấn đề lý thuyết của ngôn ngữ học hiện đại, ứng dụng vào thực tiễn tiếng Việt.

54. LIN3002 Cơ sở âm vị học ()**

2 tín chỉ

Bắt buộc: A Tự chọn B, C, D Tiên quyết: LIN2002

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và bước đầu chuyên sâu về âm vị học (các khái niệm cơ bản, các khuynh hướng và phương pháp nghiên cứu), đồng thời trang bị và rèn luyện các kỹ năng phân tích, nghiên cứu âm vị học.

55. LIN3003 Cơ sở từ vựng học ()**

2 tín chỉ

Bắt buộc: A Tự chọn : B, C, D Tiên quyết: LIN2003

Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản và bước đầu chuyên sâu về từ vựng học (các khái niệm, các quan niệm và phương pháp nghiên cứu), đồng thời trang bị và rèn luyện cho sinh viên các thao tác và kỹ năng cần thiết trong phân tích từ vựng, đặc biệt là ý nghĩa từ vựng..

56. LIN3004 Cơ sở ngữ pháp học ()**

2 tín chỉ

Bắt buộc: A Tự chọn: B, C, D Tiên quyết: LIN 2005

Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản và bước đầu chuyên sâu về ngữ pháp học (các khuynh hướng, các khái niệm và phương pháp phân tích ngữ pháp), đồng thời trang bị và rèn luyện cho sinh viên các thao tác và kỹ năng cần thiết trong phân tích ngữ pháp để ứng dụng vào thực tiễn học tập, nghiên cứu và giảng dạy ngữ pháp.

57. LIN3005 Cơ sở ngữ nghĩa học ()**

2 tín chỉ

Bắt buộc: A Tự chọn: B, C, D Tiên quyết: LIN2008

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và bước đầu chuyên sâu về ngữ nghĩa học (các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu), đồng thời hướng dẫn và áp dụng các phương pháp đó vào việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy ngữ nghĩa học.

58. LIN3006 Cơ sở ngữ dụng học ()**

2 tín chỉ

Bắt buộc: A Tự chọn: B, C, D Tiên quyết: LIN2009

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và bước đầu chuyên sâu về các phương pháp nghiên cứu từ vựng-ngữ nghĩa, đồng thời hướng dẫn và áp dụng các phương pháp đó vào việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt.

- 59. LIN3007 Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học (**)** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: A Tự chọn: B, C, D Tiên quyết: LIN2009
Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và bước đầu chuyên sâu về các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu ngôn ngữ học, đồng thời hướng dẫn và áp dụng các phương pháp đó vào việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ.
- 60. LIN3008 Ngôn ngữ, truyền thông và tiếp thị xã hội** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: B Tự chọn: A, C, D Tiên quyết: LIN2010
Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về ngôn ngữ truyền thông, ngôn ngữ trong các hoạt động tiếp thị xã hội, quảng cáo thương mại, thông tin- môi trường, vv. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc, quy trình và những việc cần làm để có được các sản phẩm ngôn ngữ có chất lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu của truyền thông và tiếp thị xã hội.
- 61. LIN3009 Quản trị ngôn ngữ và chính sách ngôn ngữ** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: B Tự chọn: A, C, D Tiên quyết: LIN2010
Cung cấp những tri thức cơ bản và bước đầu nâng cao về quản trị ngôn ngữ và chính sách ngôn ngữ, mối quan hệ giữa quản trị ngôn ngữ và chính sách ngôn ngữ, nội dung và phương pháp tiếp cận ở những lĩnh vực này; thực trạng và những vấn đề đang đặt ra về quản trị ngôn ngữ và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam. Môn học cũng trang bị cho sinh viên một số kỹ năng quản trị ngôn ngữ và đánh giá chính sách ngôn ngữ trong các lĩnh vực cụ thể.
- 62. LIN3010 Ngôn ngữ và thực hành báo chí** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: B Tự chọn: A, C, D Tiên quyết: LIN2010
Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến việc ứng dụng ngôn ngữ học vào thực hành báo chí, đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng liên quan đến các công việc như: viết báo, biên tập, tổ chức xuất bản các loại hình các văn bản báo chí, vv.
- 63. LIN3011 Ngôn ngữ và công việc biên tập, xuất bản** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: B Tự chọn: A, C, D Tiên quyết: LIN2010
Cung cấp những tri thức cơ bản về văn bản và các vấn đề liên quan đến tính chuẩn mực của ngôn ngữ văn bản như vấn đề chuẩn ngôn ngữ, chuẩn phong cách, chuẩn chính tả, vv. Môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng và thao tác biên tập, thực hành trên văn bản, như : phát hiện, đánh giá các hiện tượng lệch chuẩn, các lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp, lỗi phong cách... và đề xuất hướng khắc phục, sửa chữa.
- 64. LIN3012 Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: B Tự chọn: A, C, D Tiên quyết: LIN2010
Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản và bước đầu nâng cao về các phương pháp dạy ngoại ngữ nói chung và phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ nói riêng. Môn học cũng sẽ trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết và các hướng dẫn cụ thể để ứng dụng vào thực tiễn dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.
- 65. LIN 3013 Ngôn ngữ học máy tính (**)** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: B Tự chọn: A, C, D Tiên quyết: LIN2010
Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và bước đầu về ngôn ngữ học máy tính, tập trung vào các vấn đề: mối quan hệ giữa ngôn ngữ học và công nghệ thông tin; các vấn đề ngôn ngữ học trong công nghệ thông tin; vai trò của công nghệ thông tin đối với ngôn ngữ học ; vấn đề xử lý văn bản tự động, vấn đề dịch máy, vv. Môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng về tin học: kỹ năng sử dụng các công cụ tìm kiếm, các phần mềm ứng dụng cho ngôn ngữ học.
- 66. LIN3014 Lí thuyết và thực tiễn dịch thuật (**)** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: B Tự chọn: A, C, D Tiên quyết: LIN2012

Cung cấp những tri thức cơ bản về lí thuyết dịch thuật: khái niệm, bản chất của dịch thuật và các mô hình lí thuyết dịch ; vấn đề dịch tương đương và những trở ngại của dịch tương đương ; qui trình, phương pháp và thủ pháp dịch thuật ; vai trò của các nhân tố văn hóa, xã hội trong dịch thuật, vv. Môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích ngữ liệu đối dịch và các thủ pháp chuyển dịch thường dùng.

67. LIN3015 Thực hành ngôn ngữ học ứng dụng **2 tín chỉ**

Bắt buộc: B Tự chọn: A, C, D Tiên quyết: LIN2010

Cung cấp và huấn luyện cho sinh viên các phương pháp và kĩ năng thực hiện một đề tài nghiên cứu ngôn ngữ học hoặc ứng dụng ngôn ngữ học vào các hoạt động thực tiễn như: điều tra xã hội học về ngôn ngữ, truyền thông và tiếp thị xã hội, giáo dục ngôn ngữ, vv. Yêu cầu: xây dựng một đề cương nghiên cứu hay có một bài t ập sự nghiên cứu về ngôn ngữ học

68. LIN3016 Việt ngữ học với việc dạy tiếng Việt trong nhà trường **2 tín chỉ**

Bắt buộc: C Tự chọn: A, B, D Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Việt ngữ học liên quan đến việc dạy tiếng Việt trong nhà trường: các vấn đề cơ bản, nội dung chương trình, sách giáo khoa; cách chuẩn bị bài giảng, lên lớp; phương pháp và kỹ năng giảng dạy các vấn đề cụ thể. Môn học cũng huấn luyện cho sinh viên thực hiện các bài dạy cụ thể qua thực hành trên lớp hoặc ngoại khóa.

69. LIN3017 Việt ngữ học với việc nghiên cứu và giảng dạy văn học **2 tín chỉ**

Bắt buộc: C Tự chọn: A, B, D Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngôn ngữ học và Việt ngữ học cơ bản liên quan đến việc nghiên cứu và giảng dạy văn học. Đồng thời môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học dưới ánh sáng của các lí thuyết ngôn ngữ học và Việt ngữ học để ứng dụng vào việc nghiên cứu và giảng dạy văn học

70. LIN3018 Việt ngữ học với việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa dân tộc **2 tín chỉ**

Bắt buộc: C Tự chọn: A, B, D Tiên quyết: LIN2001

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngôn ngữ học và Việt ngữ học cơ bản liên quan đến việc nghiên cứu lịch sử văn hóa dân tộc. Đồng thời môn học cũng trang bị và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích các ngữ liệu ngôn ngữ dưới ánh sáng của các lí thuyết ngôn ngữ học và Việt ngữ học để ứng dụng vào việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa dân tộc Việt Nam.

71. LIN3019 Từ điển học và việc biên soạn từ điển tiếng Việt **2 tín chỉ**

Bắt buộc: C Tự chọn: A, B, D Tiên quyết: LIN 2003

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về từ điển học, về phương pháp biên soạn các loại từ điển nói chung và từ điển tiếng Việt nói riêng. Đặc biệt môn học sẽ trang bị và huấn luyện cho sinh viên các kỹ năng và thủ pháp biên soạn từ điển, ứng dụng vào từ điển giải thích tiếng Việt, như: cách chọn mục từ, lập bảng từ, cách phân tích, giải thích ý nghĩa các từ, chọn ví dụ minh họa, vv.

72. LIN3020 Lịch sử ngữ âm tiếng Việt **2 tín chỉ**

Bắt buộc: C Tự chọn: A, B, D Tiên quyết: LIN2015

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển về mặt ngữ âm của tiếng Việt, đồng thời trang bị cho sinh viên các phương pháp và kĩ năng nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Việt.

73. LIN3021 Lịch sử từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt **2 tín chỉ**

Bắt buộc: B. Tự chọn: A, B, D Tiên quyết: LIN2015

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển của từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt, đồng thời trang bị cho sinh viên các phương pháp và kĩ năng nghiên cứu lịch sử phát triển của từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt.

- 74. LIN3022 Ngôn ngữ văn học và sự phát triển của tiếng Việt thế kỷ XX** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: B. Tự chọn: A, B, D Tiên quyết: LIN2015
Cung cấp các tri thức cơ bản và bước đầu nâng cao về ngôn ngữ văn học và sự phát triển của tiếng Việt trong thế kỷ XX: sự tác động của các nhân tố lịch sử, xã hội, văn hóa và những biến đổi về cấu trúc, chức năng của tiếng Việt nói chung và tiếng Việt nói riêng, vv. Môn học đồng thời cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng phân tích, tìm hiểu sự phát triển, biến đổi của ngôn ngữ trong tiến trình phát triển của lịch sử, văn hóa và xã hội.
- 75. LIN3023 Thực hành ứng dụng Việt ngữ học** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: B. Tự chọn: A, B, D Tiên quyết: LIN2010
Cung cấp và huấn luyện cho sinh viên các phương pháp và kỹ năng thực hiện một đề tài nghiên cứu về Việt ngữ học hoặc ứng dụng Việt ngữ học vào các hoạt động thực tiễn như: dạy tiếng, làm từ điển, biên tập báo chí, xuất bản, vv. Yêu cầu: xây dựng một đề cương nghiên cứu hay có một bài tập nghiên cứu về Việt ngữ học
- 76. LIN3024 Phân tích câu tiếng Việt theo cấu trúc Đề - Thuyết** **2 tín chỉ**
Tự chọn: A, B, C, D Tiên quyết: LIN2005
Cung cấp cho sinh viên tri thức cơ bản về phương pháp phân tích cấu trúc câu đơn theo cấu trúc Đề- Thuyết của Ngữ pháp chức năng: khái niệm và tiêu chí nhận diện cấu trúc Đề -Thuyết của câu đơn tiếng Việt; các biểu hiện cụ thể của cấu trúc Đề- thuyết trong câu đơn tiếng Việt, vv. Môn học đặc biệt chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng phân tích cấu trúc câu đơn tiếng Việt dựa trên các ngữ liệu lấy từ văn bản.
- 77. LIN3025 Tiếng dân tộc thiểu số cơ sở** **3 tín chỉ**
Bắt buộc: D Tự chọn: A, B, C Tiên quyết: 0
Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở và rèn luyện các kỹ năng cơ bản về một ngôn ngữ dân tộc thiểu số, đảm bảo cho sinh viên sau khi kết thúc môn học có thể nghe, nói được ngôn ngữ đó ở những tình huống giao tiếp thông thường, đồng thời có khả năng viết và đọc- hiểu được các văn bản đơn giản.
- 78. LIN3026 Tiếng dân tộc thiểu số nâng cao** **3 tín chỉ**
Bắt buộc: D Tự chọn: A, B, C Tiên quyết: LIN3025
Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và rèn luyện các kỹ năng nâng cao về một ngôn ngữ dân tộc thiểu số, đảm bảo cho sinh viên sau khi kết thúc môn học có thể nghe, nói được ở các tình huống giao tiếp theo yêu cầu của công việc, đồng thời có khả năng viết và đọc - hiểu được các văn bản phức tạp hơn.
- 79. LIN3027 Phương pháp điền dã ngôn ngữ học** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: D Tự chọn: A,B, C Tiên quyết: LIN2001
Cung cấp những cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về điền dã ngôn ngữ học, đồng thời huấn luyện cho sinh viên biết cách chuẩn bị và thực hành tốt một đề tài nghiên cứu bằng phương pháp điền dã ngôn ngữ học.
- 80. LIN3028 Giáo dục ngôn ngữ trong môi trường đa ngữ** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: D Tự chọn: A,B, C Tiên quyết: LIN2017
Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về các cảnh huống song ngữ, đa ngữ và vấn đề giáo dục ngôn ngữ trong môi trường đa ngữ, ứng dụng vào thực tiễn giáo dục ngôn ngữ ở các vùng dân tộc thiểu số Việt Nam. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng giảng dạy và làm việc ở các vùng dân tộc thiểu số song ngữ hoặc đa ngữ.
- 81. LIN3029 Vấn đề dạy tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ cho các DTTS ở Việt Nam** **2 tín chỉ**
Bắt buộc: D Tự chọn: A,B, C Tiên quyết: LIN2017

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến việc dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc cho học sinh các dân tộc thiểu số: các vấn đề cơ bản, nội dung chương trình, sách giáo khoa; cách chuẩn bị bài giảng, lên lớp; phương pháp và kỹ năng giảng dạy các vấn đề cụ thể. Môn học cũng huấn luyện cho sinh viên thực hiện các bài dạy cụ thể qua thực hành trên lớp hoặc ngoại khóa.

82. LIN3030 Những vấn đề về chữ viết các DTTS ở Việt Nam 2 tín chỉ

Bắt buộc: D Tự chọn: A,B, C Tiên quyết: LIN2017

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử, hiện trạng chữ viết của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; chính sách của Đảng và nhà nước Việt Nam về chữ viết cho các dân tộc thiểu số; các vấn đề liên quan đến việc nghiên cứu, bảo tồn, xây dựng, giảng dạy chữ viết của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay.

83. LIN3031 Vấn đề phát triển bền vững vùng DTTS ở Việt Nam 2 tín chỉ

Bắt buộc: D Tự chọn: A,B, C Tiên quyết: LIN2017

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hiện trạng, tiềm năng, chính sách và giải pháp phát triển bền vững của các vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam, trong đó đặc biệt chú trọng đến mối quan hệ giữa phát triển kinh tế xã hội gắn liền với bảo tồn, phát triển về ngôn ngữ và văn hóa, giữ gìn tính đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ.

84. LIN3032 Một số vấn đề ngôn ngữ và văn hóa các DTTS ở Tây Bắc và Việt Bắc 2 tín chỉ

Tự chọn: A, B, C, D Tiên quyết: LIN2017

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và Việt Bắc; các vấn đề liên quan đến việc nghiên cứu, bảo tồn, xây dựng, phát triển ngôn ngữ và văn hóa của các dân tộc thiểu số ở các khu vực này.

85. LIN 3033 Một số vấn đề ngôn ngữ và văn hóa các DTTS ở Tây Nguyên và Trung Bộ 2 tín chỉ

Tự chọn: A, B, C, D Tiên quyết: LIN2017

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và Trung Bộ; các vấn đề liên quan đến việc nghiên cứu, bảo tồn, xây dựng, phát triển ngôn ngữ và văn hóa của các dân tộc thiểu số ở các khu vực này.

86. LIN3034 Một số vấn đề ngôn ngữ và văn hóa các DTTS ở Nam Bộ 2 tín chỉ

Tự chọn: A, B, C, D Tiên quyết: LIN2017

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Nam Bộ; các vấn đề liên quan đến việc nghiên cứu, bảo tồn, xây dựng, phát triển ngôn ngữ và văn hóa của các dân tộc thiểu số ở khu vực này.

87. LIN3035 Tiếng Việt nâng cao 1 3 tín chỉ

88. LIN3036 Tiếng Việt nâng cao 2 3 tín chỉ

Bắt buộc: E Tiên quyết: theo thứ tự

Cung cấp những kiến thức nâng cao về tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; rèn luyện thuần thục các kỹ năng cơ bản về tiếng Việt, đảm bảo cho sinh viên có thể nghe, nói ở những tình huống giao tiếp với các chủ đề chuyên sâu, phức tạp, có khả năng viết và đọc- hiểu các văn bản tiếng Việt ở trình độ cao cấp.

89. LIN 3037 Đọc viết tiếng Việt nâng cao 2 tín chỉ

Bắt buộc: E Tiên quyết: 0

Cung cấp và rèn luyện thuần thục các kỹ năng đọc và viết về tiếng Việt, đảm bảo cho sinh viên có khả năng viết và đọc- hiểu các văn bản tiếng Việt ở trình độ nâng cao

90. LIN3038 Ngữ pháp tiếng Việt thực hành 2 tín chỉ

Bắt buộc: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt, kèm theo những hướng dẫn sử dụng trong thực tế như: hư từ tiếng Việt và cách sử dụng ; động từ và cách dùng động từ tiếng Việt; cấu trúc câu đơn tiếng Việt và các kiểu câu đơn tiếng Việt trong văn bản, vv. Môn học sẽ đặc biệt chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu, tạo lập văn bản cho sinh viên thông qua hoạt động thực hành.

91. LIN3039 Tiếng Việt chuyên ngành

2 tín chỉ

Bắt buộc: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tiếng Việt chuyên ngành Ngôn ngữ học và Việt ngữ học, đồng thời giúp sinh viên thực hành và nâng cao các kỹ năng cơ bản đọc viết tiếng Việt chuyên ngành, ứng dụng vào các hoạt động học tập, nghiên cứu ngôn ngữ.

92. LIN3038 Tiếng Việt trong tục ngữ, ca dao

2 tín chỉ

Bắt buộc: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tục ngữ, ca dao Việt Nam: ngôn ngữ, hình thức nghệ thuật, nội dung, thể loại, vv; qua đó làm cho sinh viên thấy được cái đẹp cái hay của tiếng Việt và biết cách sử dụng thành thạo tiếng Việt⁸².

93. LIN3039 Tiếng Việt và phong tục Việt Nam

2 tín chỉ

Bắt buộc: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phong tục, tập quán Việt Nam và tiếng Việt trong phong tục tập quán Việt Nam; qua đó làm cho sinh viên hiểu được văn hóa Việt Nam nói chung và phong tục tập quán của Việt Nam nói riêng, biết cách sử dụng thành thạo tiếng Việt đúng với phong tục, tập quán người Việt.

94. LIN3040 Tiếng Việt ngành du lịch

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt ngành du lịch, rèn luyện các kỹ năng tiếng Việt dùng trong ngành du lịch; qua đó làm cho sinh viên nắm được các tổ chức, các hoạt động, các điểm đến du lịch ở Việt Nam và biết cách sử dụng thành thạo tiếng Việt phục vụ cho ngành du lịch..

95. LIN3041 Tiếng Việt ngành kinh tế - thương mại

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt ngành kinh tế, rèn luyện các kỹ năng tiếng Việt dùng trong ngành kinh tế; qua đó làm cho sinh viên nắm được các tổ chức, các hoạt động, các chính sách kinh tế của Việt Nam và biết cách sử dụng thành thạo tiếng Việt phục vụ cho các ngành kinh tế.

96. LIN3042 Tiếng Việt và lễ hội ở Việt Nam

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các lễ hội truyền thống ở Việt Nam và tiếng Việt được dùng trong các lễ hội truyền thống; qua đó làm cho sinh viên hiểu được văn hóa Việt Nam nói chung và các lễ hội truyền thống của Việt Nam nói riêng, biết cách sử dụng thành thạo tiếng Việt để giới thiệu về các lễ hội truyền thống đó.

97. LIN3043 Tiếng Việt trong công nghệ thông tin

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt ngành công nghệ thông tin, rèn luyện các kỹ năng tiếng Việt dùng trong ngành công nghệ thông tin; qua đó làm cho sinh viên nắm được các tổ chức, các phương tiện, các hoạt động công nghệ thông tin ở Việt Nam và biết cách sử dụng thành thạo tiếng Việt phục vụ cho ngành công nghệ thông tin.

98. LIN4044 Tiếng Việt và dịch thuật

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lí thuyết dịch thuật; rèn luyện các kĩ năng dịch từ tiếng Việt ra ngôn ngữ thứ hai hoặc từ ngôn ngữ thứ hai ra tiếng Việt, ứng dụng vào thực tiễn học tập hoặc hoạt động giao tiếp hàng ngày.

99. LIN4045 Tiếng Việt với lịch sử và văn hóa Việt Nam

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa Việt Nam và các kiến thức Việt ngữ liên quan đến lịch sử, văn hóa Việt Nam; rèn luyện các kĩ năng nghiên cứu, trình bày các vấn đề lịch sử văn hóa Việt Nam bằng tiếng Việt.

100. LIN4046 Tiếng Việt qua báo chí

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt trên báo chí; rèn luyện các kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu, tiếp nhận và xử lí thông tin từ báo chí tiếng Việt.

99. LIN4047 Tiếng Việt và văn học Việt Nam

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt qua các tác phẩm văn học Việt Nam, giúp sinh viên đọc, hiểu và cảm thụ được văn học Việt Nam.

100. LIN4048 Tiếng Việt trên các phương tiện nghe nhìn

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt trên các phương tiện nghe nhìn như đài phát thanh, truyền hình; rèn luyện các kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu, tiếp nhận và xử lí thông tin từ các phương tiện nghe nhìn phát bằng tiếng Việt.

101. LIN4049 Tiếng Việt trong tôn giáo

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt trong các tôn giáo, qua đó giúp sinh viên hiểu được tôn chỉ, tổ chức, và nguyên tắc hoạt động của các tôn giáo chính ở Việt Nam và biết sử dụng tốt tiếng Việt khi nói về tôn giáo và tín ngưỡng.

102. LIN 4050 Tiếng Việt trong pháp luật

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt trong ngành pháp luật, qua đó giúp sinh viên hiểu được hệ thống pháp luật của Việt Nam và biết sử dụng tốt tiếng Việt trong lĩnh vực pháp luật.

103. LIN4051 Tiếng Việt qua thành ngữ

2 tín chỉ

Tự chọn: E Tiên quyết: 0

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành ngữ tiếng Việt, qua đó giúp sinh viên hiểu và sử dụng được thành ngữ tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp.

104. LIN4001 Niên luận

2 tín chỉ

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN2001

Trang bị và rèn luyện cho sinh viên phương pháp và các kĩ năng thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học: lựa chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu, đọc các tài liệu tham khảo, thu thập và xử lí tư liệu, trình bày các kết quả nghiên cứu, v.v ; qua đó, giúp sinh viên bước đầu làm quen với việc nghiên cứu khoa học. Trong quá trình học các môn cơ sở của ngành (từ học kì 3 đến học kì 5) sinh viên chủ động lựa chọn đề tài tiểu luận và giáo viên hướng dẫn để thực hiện tiểu luận. Yêu cầu: có sản phẩm là 1 bài luận hoặc một báo cáo khoa học (tối thiểu 15 trang).

105. LIN4002 Thực tập chuyên môn 1**2 tín chỉ**

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN4001

Thực tập do Khoa tổ chức nhằm giúp sinh viên làm quen với phương pháp và các kỹ năng làm việc trong các môi trường thực tế: xây dựng kế hoạch công tác, liên hệ với cơ quan, chính quyền và nhân dân địa phương, làm việc với cộng tác viên, thực hiện các điều tra, phỏng vấn để thu thập ngữ liệu, làm việc theo nhóm để phân tích ngữ liệu, phát hiện vấn đề, trình bày các kết quả....

106. LIN4003 Thực tập chuyên môn 2**2 tín chỉ**

Bắt buộc: chung Tiên quyết : LIN 4002

Thực tập do sinh viên tự tổ chức thực hiện (với sự hướng dẫn về chuyên môn của giảng viên) nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện phương pháp và các kỹ năng làm việc độc lập trong các môi trường thực tế: sinh viên tự xây dựng kế hoạch thực tập, tự liên hệ với cơ quan, chính quyền và nhân dân địa phương, làm việc với cộng tác viên, tự thực hiện các điều tra, phỏng vấn để thu thập ngữ liệu, làm việc theo nhóm để phân tích ngữ liệu, phát hiện vấn đề, trình bày các kết quả... Yêu cầu: có báo cáo thực tập của cá nhân hoặc nhóm

107. LIN4005 Khóa luận tốt nghiệp**7 tín chỉ**

Bắt buộc: chung Tiên quyết: LIN4003

Sinh viên được đăng kí làm khoá luận sau khi đã tích lũy được 90% số tín chỉ của toàn bộ chương trình. Yêu cầu: sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu có hướng dẫn.